

Số: 043 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 26 tháng 5 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chi tiết một số nội dung thực hiện
Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 36/2009 ngày 26/2/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 115/2008/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính- Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 147/TTrLS - NN&PTNT-TC ngày 22/5/2009 về việc quy định chi tiết thực hiện một số nội dung Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ trên địa bàn thành phố Hải Phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chi tiết về thực hiện một số nội dung Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ trên địa bàn thành phố như sau:

I. Về mức thu thủy lợi phí:

1. Mức thu thủy lợi phí thỏa thuận đối với công trình đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc có một phần vốn ngân sách nhà nước: Được tính bằng mức thu thủy lợi phí tương đương đối với công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Mức thu tiền nước quy định tại tiết 5, tiết 7 và 8, điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 được sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 115/2008/NĐ-CP quy định cụ thể như sau:

- Nuôi cá bè trên hệ thống công trình thủy lợi: Mức thu 8% giá trị sản lượng.

Nuôi trồng thủy sản tại công trình hệ thống thủy lợi: Mức thu 8% giá trị

- Sử dụng nước từ công trình thủy lợi để phát điện: Mức thu 8% giá trị sản lượng điện thương phẩm.

- Sử dụng công trình thủy lợi để kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng, giải trí (kể cả kinh doanh sân golf, casino, nhà hàng): Mức thu 10% tổng giá trị doanh thu.

3. Mức thu tiền nước 750 đồng/m³ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 được sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 115/2008/NĐ-CP chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, áp dụng từ ngày 01/01/2009; riêng đối với Công ty TNHH MTV Cấp nước Hải Phòng áp dụng từ ngày có quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về thay đổi giá nước sinh hoạt.

4. Mức trần phí dịch vụ lấy nước của tổ chức hợp tác dùng nước tính từ sau cống đầu kênh đến mặt ruộng (thủy lợi nội đồng) là 8.000 đồng/sào/vụ. Trong trường hợp giá cả thị trường biến động tăng giảm 20%, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính có trách nhiệm thống nhất, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh.

II. Về vị trí cống đầu kênh:

Hệ thống kênh tưới tiêu trên địa bàn Hải Phòng được phân chia làm nhiều cấp: kênh trục chính, kênh cấp 1, kênh cấp 2, kênh cấp 3, kênh cấp 4, kênh cấp 5... Hệ thống kênh tưới tiêu có 2 nhiệm vụ chính là: chuyển nước, cấp nước trực tiếp vào ruộng và tiêu nước từ ruộng trực tiếp ra kênh.

Cống đầu kênh là cống đầu tuyến kênh cuối cùng cấp nước trực tiếp vào ruộng và tiêu nước từ ruộng trực tiếp ra kênh.

III. Quy định diện tích và biện pháp tưới tiêu áp dụng đối với các công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố năm 2009:

STT	Biện pháp tưới tiêu	Diện tích (ha)	
		Tổng số	Trong đó tổ hợp tác tiếp nguồn
1	Diện tích trồng lúa	86.053	32.118
1.1	Chủ động tưới tiêu bằng bơm điện	14.000	
1.2	Chủ động tưới tiêu bằng trọng lực	23.650	
1.3	Chủ động một phần tưới tiêu bằng trọng lực	2.800	
1.4	Tạo nguồn tưới tiêu bằng trọng lực	44.039	
1.5	Chủ động một phần tưới tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực	760	
1.6	Tạo nguồn tưới tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực	804	

2	Diện tích mạ, màu, cây công nghiệp	13.772	6.056
2.1	Chủ động tưới tiêu bằng bơm điện	2.282	
2.2	Tạo nguồn tưới tiêu bằng trọng lực	11.490	
3	Diện tích nuôi trồng thủy sản	3.357	
	Tổng cộng (1)+(2)+(3)	103.182	38.174

Điều 2. Giao Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ chức năng nhiệm vụ quy định, hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Giám đốc các Công ty Khai thác công trình thủy lợi căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ TC, NN;
- CT, các PCT UBNDTP;
- Các Sở: TC, NN&PTNT;
- CPVP;
- CV: NN, TC;
- Lưu.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đo Trung Thoại

QUY ĐỊNH

**Về quản lý, phân cấp quản lý hoạt động khai thác thủy sản tuyến bờ đảo
Bạch Long Vĩ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1663 /QĐ-UBND ngày 27/8/2009
của UBND thành phố Hải Phòng)*

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh:

Quyết định này quy định về phân cấp cho Ủy ban nhân dân huyện Bạch Long Vĩ quản lý hoạt động khai thác thủy sản tuyến bờ đảo Bạch Long Vĩ; quy định về quản lý hoạt động khai thác thủy sản đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động khai thác thủy sản trong vùng biển ven đảo Bạch Long Vĩ;

Trường hợp quy định của Chính phủ có nội dung liên quan khác với quy định trong Quyết định này thì áp dụng theo quy định của Chính phủ.

Điều 2. Phạm vi vùng biển tuyến bờ đảo Bạch Long Vĩ:

Phạm vi vùng biển tuyến bờ đảo Bạch Long Vĩ được tính từ bờ biển ven đảo Bạch Long Vĩ (ngấn nước khi thủy triều thấp nhất) đến đường nối liền các điểm cách bờ biển ven đảo Bạch Long Vĩ 06 hải lý.

Điều 3. Quản lý hoạt động khai thác thủy sản trong tuyến bờ đảo Bạch Long Vĩ:

1. Danh mục các loài thủy sản cấm khai thác bao gồm về loài, kích thước loài theo Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

3. Cấm nghề khai thác: Nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản trong tuyến bờ đảo Bạch Long Vĩ.

Điều 4. Quản lý hoạt động của tàu cá trong tuyến bờ đảo Bạch Long Vĩ:

1. Tàu cá hoạt động trong tuyến bờ đảo Bạch Long Vĩ phải tuân thủ Điều 21 Luật Thủy sản và có các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký tàu cá; Giấy phép khai thác thủy sản; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (đối với tàu cá theo quy định phải có); Sổ danh bạ thuyền viên (đối với tàu cá theo quy định phải có) và các văn bằng, chứng chỉ về thuyền viên và giấy tờ tùy thân do cơ quan có thẩm quyền cấp; ghi nhật ký khai thác theo quy định.

2. Tàu cá hoạt động trong tuyến bờ đảo Bạch Long Vĩ được đánh dấu

về việc quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển.

4. Tàu cá hoạt động trong tuyến bờ đảo Bạch Long Vĩ phải hoạt động theo đúng nội dung ghi trong giấy phép và được đăng ký tại Hải Phòng.

Điều 5. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân huyện Bạch Long Vĩ quản lý hoạt động khai thác thủy sản tuyến bờ đảo Bạch Long Vĩ với những nội dung sau:

1. Tổ chức quản lý hoạt động khai thác thủy sản tuyến bờ đảo Bạch Long Vĩ theo các quy định tại Quyết định này. Kiểm tra, kiểm soát các hoạt động khai thác thủy sản, triển khai các biện pháp bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trong phạm vi tuyến bờ đảo Bạch Long Vĩ. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thủy sản cho nhân dân; hướng dẫn, phổ biến, nhân rộng các mô hình khai thác thủy sản theo tổ, đội, tập đoàn sản xuất, gắn với dịch vụ hậu cần nghề cá. Hướng dẫn ngư dân chuyển đổi nghề khai thác thủy sản vùng bờ sang khai thác vựa khơi hoặc nghề nuôi trồng thủy sản, dịch vụ khác.

2. Cấp đăng ký, giấy phép khai thác thủy sản cho các phương tiện khai thác thủy sản của ngư dân đăng ký hộ khẩu trên đảo có trang bị gắn máy dưới 20CV hoặc không lắp máy có chiều dài đường nước dưới 15m.

3. Kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị định số 128/2005/NĐ-CP ngày 10/11/2005 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Trung Thoại